

Q, ngày 02 tháng 8 năm 2021

Số: 39/2021/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

*Địa chỉ: 191 B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hùng A**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Phạm Thị N** - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (theo Quyết định số 1218/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K); Người được uỷ quyền lại: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K (theo Giấy uỷ quyền số 1824/2017/UQ-TCB ngày 18/10/2017 của bà Phạm Thị N).*

Bị đơn:

1. Ông **Vương Xuân C**, sinh năm 1968.

2. Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1974.

Đều trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Ông **Vương Xuân Q**, sinh năm 1944 (bố đẻ ông C);
2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1944 (mẹ đẻ ông C);
3. Ông **Vương Văn H**, sinh năm 1996 (con ông C, bà T);
4. Cháu **Vương Thị Kiều A**, sinh năm 2007 (con ông C, bà T)

Đại diện theo pháp luật của cháu Vương Thị Kiều A là ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T.

Ông Vương Xuân Q, bà Nguyễn Thị C, bà Vũ Thị T và ông Vương Văn H ủy quyền cho ông Vương Xuân C theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021.

5. Ông **Vương Văn Q**, sinh năm 1980 (em ông C);
6. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1986 (vợ ông Q);
7. Cháu **Vương Thị T**, sinh năm 2008 (con ông Q, bà C);
8. Cháu **Vương Thị TP**, sinh năm 2010 (con ông Q, bà C);
9. Cháu **Vương Hồng P**, sinh năm 2013 (con ông Q, bà C);
10. Cháu **Vương Quý H**, sinh năm 2019 (con ông Q, bà C)

Đại diện theo pháp luật của các cháu T, TP, P, H là ông Vương Văn Q và bà Nguyễn Thị C.

Đều ủy quyền cho ông Vương Xuân C theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2021.

Đều trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vương Xuân Q: Ông **Nguyễn Văn V**, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1/- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T đều xác nhận: Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10087/HĐTD/TH-TN/TCB - HQV ngày 25/5/2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T tính đến ngày 15/6/2021 (sau khi đã miễn khoản lãi phạt và tiền phạt hợp đồng) thì ông C và bà T còn nợ Ngân hàng là: **5,016,442,921** đồng (*Năm tỷ, không trăm mười sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi một đồng*); Trong đó:

+ Nợ gốc: **1,666,660,000** đồng (*Một tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*);

+ Nợ lãi trong hạn: **1,185,895,117** đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm mười bảy đồng*);

+ Nợ lãi quá hạn: **2,163,887,804** đồng (*Hai tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm linh bốn đồng*).

2/- Kể từ ngày 16/6/2021, ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 10087/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV ngày 25/5/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì khoản tiền lãi mà khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3/- Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể là: *Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 03, diện tích theo diện tích thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm tại địa chỉ: Xóm 4, Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 875570; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1779 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/10/2008 cho hộ ông Vương Xuân Q và bà Nguyễn Thị C. Ngày 13/4/2010 tặng cho toàn bộ cho ông Vương Xuân C. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2183.2010/HĐTC-TCB ngày 22/5/2010.*

Ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông C và bà T. Hiện nay, gia đình ông C và bà T vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông C và bà T đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông C và bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

4/- Trong khoảng thời gian ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ số nợ thì gia đình ông C và bà T cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2183.2010/HĐTC-TCB ngày 25/5/2010 và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi ngân hàng thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

5/- Về án phí: Ông Vương Xuân C và bà Vũ Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 56,508,000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, năm trăm linh tám nghìn đồng*). Do ông C, bà T có khó khăn về kinh tế

nên giảm cho ông C, bà T 14,000,000 đồng. Ông C, bà T còn phải chịu 42,508,000 đồng (*Bốn mươi hai triệu, năm trăm linh tám nghìn đồng*).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng số tiền 40,775,000 đồng (*Bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006267 ngày 29/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh